

 **KODOFO**

---

**MÁY IN CHUYÊN NHIỆT**



CALL NOW.  
+123-456-7890

# Business Plan

According to the business development strategy of the enterprise, combined with the current situation of business development and the internal resources and capacity of the enterprise, let the company grow faster.

# CATALOGUE

SPRING / SUMMER 2030 COLLECTION

COMPANY NAME

# KDF 8

## 热转印数码印花机

## MÁY IN CHUYÊN NHIỆT KỸ THUẬT SỐ



### ■ 高品质打印

In chất lượng cao

可变滴墨技术，动态墨滴校准技术（DAS）

Công nghệ biến đổi giọt mực và hệ thống căn chỉnh giọt mực tự động (DAS)

先进智能喷墨控制，智能色彩分色技术

Công nghệ điều khiển phun mực tiên tiến kết hợp kỹ thuật tách màu thông minh

多样化定制 ICC曲线，丰富的色彩方案

ICC tùy chỉnh linh hoạt, có nhiều phương án lựa chọn màu sắc

### ■ 高精品质，降本增效

Độ chính xác cao, giảm chi phí nâng cao hiệu suất

铸件式清洗机构，确保清洗效率更高更稳定

Cơ cấu vệ sinh dạng đúc, đảm bảo hiệu suất làm sạch cao và ổn định hơn

恒温加热系统，打印过程中不受环境温度影响

Hệ thống sấy ổn định, giúp quá trình in không bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ môi trường

集成式电路插座，减少外部接线，避免安全隐患

Ổ cắm mạch điện tích hợp giảm thiểu dây nối bên ngoài từ đó loại bỏ nguy cơ tiềm ẩn

### ■ 印花管理高效智能化

Quản lý quá trình in hiệu quả

YIPS生产管理系统，YILICloud云互联平台系统

Hệ thống quản lý sản xuất YIPS và hệ thống nền tảng kết nối đám mây YILICloud

智慧纺织，助力客户管理数字化、智能化

Giải pháp dệt thông minh, hỗ trợ khách hàng chuyển đổi số và quản lý thông minh

GeekDesign极纺AI设计

Thiết kế Jiffang AI - Geek Design

### ■ 长效稳定，一致可靠

Chất lượng ổn định, đáng tin cậy

加强型工业机架，高强度平台支撑结构；

Khung máy công nghiệp chắc chắn, kết cấu bàn in có độ bền cao

升级型光栅系统，优异Dynapro 机械传动

Hệ thống thước quang được nâng cấp, động cơ Dynapro có hiệu suất cao

分段调控三段压轮，压力控制精准，走纸平顺

Bộ con lăn ép điều chỉnh ba đoạn, kiểm soát lực chính xác giúp cấp giấy mượt mà

## ■ KDF8 系列规格参数 - CÁC THÔNG SỐ CỦA MÁY KDF8

产品型号 Model sản phẩm		KDF8
喷头 Đầu in	类型 Mã đầu in	Epson i3200 A1 高精喷头 Epson i3200 A1 có độ phân giải cao
	数量 Số lượng	8H
	排列组合 Tổ hợp cấu hình	2*4
打印速度 Tốc độ in  根据面料与花型， 可选择不同方案 Phụ thuộc vào vật liệu và họa tiết, chọn các phương án phù hợp	四色方案 Phương án 4 màu	生产模式: 320m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 320m <sup>2</sup> /h
		精度模式: 160m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 160m <sup>2</sup> /h
	八色方案 Phương án 8 màu	生产模式: 160m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 160m <sup>2</sup> /h
		精度模式: 80m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 80m <sup>2</sup> /h
打印材料 Vật liệu	最大打印宽幅 Khô in tối đa	1900mm
	可用材料宽幅 Khô vật liệu sử dụng	1950mm
	材料介质 Chất liệu sử dụng	热转印纸 Giấy in chuyển nhiệt
	可用材料克重 Trọng lượng giấy	最低28-100g/m <sup>2</sup> Tối thiểu 28-100g/m <sup>2</sup>
	材料厚度 Độ dày vật liệu	2-50丝 2 - 50 silk
墨水系统 Hệ thống mực	墨水类型 Loại mực	热升华墨水 Mực in thăng hoa
	墨水颜色 Màu mực	青C、品红M、黄Y、黑K、可选, LM、LC、LK、LLK Màu xanh C, màu đỏ M, màu vàng Y, màu đen K, có thể chọn LM, LC, LK, LLK
	墨水容积 Dung tích mực	5L连供墨桶 Bình cấp mực liên tục dung tích 5L
	供墨方式 Phương thức cấp mực	虹吸供墨 Cấp mực kiểu hút
软件系统 Hệ thống phần mềm	生产软件 Phần mềm sản xuất	可选自主开发软件YIPS, TexPrint, NeoStampa等 Tùy chọn phần mềm như YIPS, TexPrint, NeoStampa,...
	图象类型 Định dạng hình ảnh	文件格式TIFF/JPG/EPS/PDF, 色彩模式RGB/CMYK Hỗ trợ các định dạng: TIFF, JPG, EPS, PDF; Chế độ màu RGM, CMYK
功能配置 Chức năng	打印平台 Bàn in	竖纹铝板加工面板 Bàn thao tác hợp kim nhôm gia công vân dọc
	磁悬浮传动系统 Hệ thống truyền động từ tính	进口THK高静音双导轨、磁栅系统 Hệ thống ray trượt đôi THK nhập khẩu giảm độ ồn kết hợp với hệ thống thước từ
	喷头保护系统 Hệ thống bảo vệ đầu in	三重保护系统 Hệ thống bảo vệ ba lớp
	清洗机构 Cơ cấu làm sạch	压铸底座+单刮片结构 Đế đúc và kết cấu lưới đơn
工作环境 Môi trường làm việc	加热系统 Hệ thống làm sạch	红外双层加热系统 Hệ thống sấy hồng ngoại hai lớp
	电源 Nguồn điện	220VAC±5%, 三相五线/220VC, 50/60HZ 220VAC±5%, ba pha 5 dây, 220VC, 50/60HZ
	功率 Công suất	主机: 1300W, 前红外+收放料电机: 5000W, 底部红外: 4800W Động cơ chính: 1300W, hồng ngoại trước và motor thu nhà vật liệu 5000W, hồng ngoại dưới: 4800W
	供气压力流量 Áp suất và lượng khí cấp	0.5-0.7Mpa, 0.15m <sup>3</sup> /hr (干燥无油无水汽) Áp suất khí: 0.5 - 0.7; Lưu lượng khí: 0.15 0.15m <sup>3</sup> /hr (Khô không dầu không hơi nước)
尺寸重量 Size, trọng lượng, khối lượng	温湿度 Nhiệt độ - độ ẩm	环境室温: 推荐温度15-30°C, 环境湿度: 推荐50%-80% (无凝结) Điều kiện môi trường vận hành: Nhiệt độ 15-30°C, Độ ẩm: 50% - 80% (không ngưng đọng)
	尺寸 Size	机器尺寸: 3500*1310*1700 (长*宽*高mm), 包装尺寸: 3600*1300*1700mm (长*宽*高mm) Kích thước máy: 3500*1310*1700 (DxRxC mm), kích thước đóng gói 3600*1300*1700mm (DxRxC)
	重量 Trọng lượng	约500KG Khoảng 500KG

相关参数因技术升级可能会有调整变动, 如有更改, 恕不另行通知  
Các thông số liên quan có thể được điều chỉnh do nâng cấp kỹ thuật; nếu có thay đổi, xin không thông báo riêng



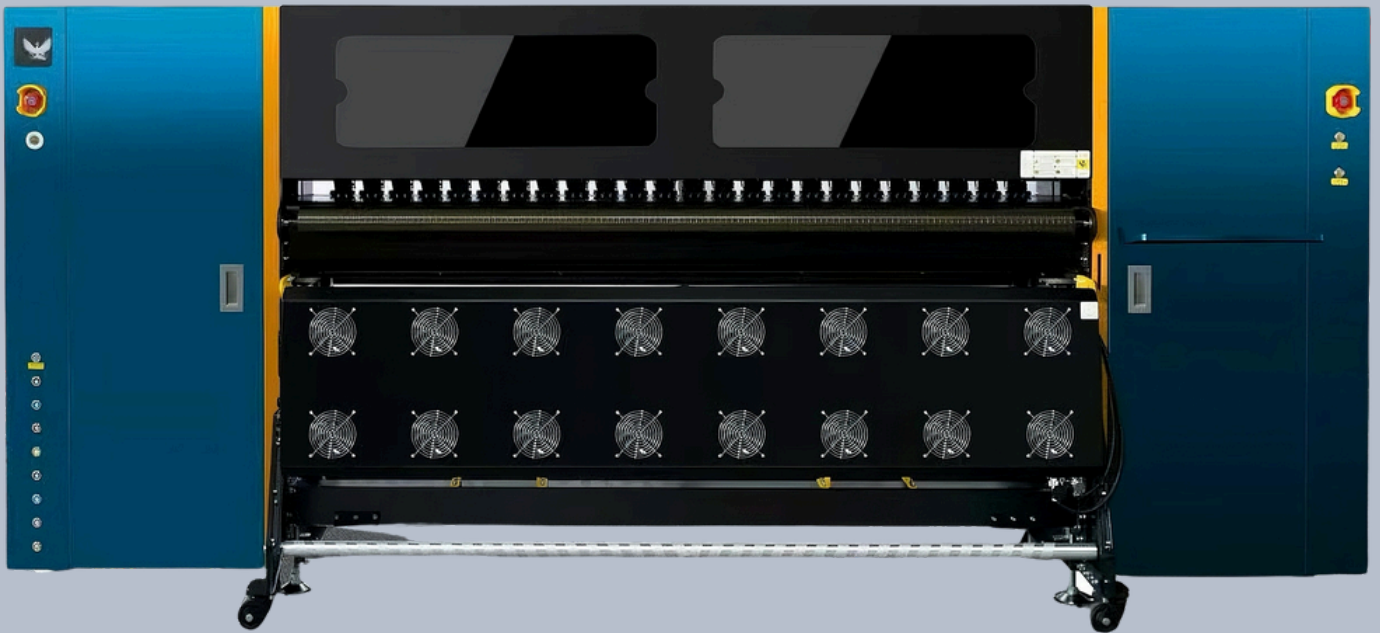
**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT & NGUYÊN LIỆU IN ẤN KODOFO**

Địa chỉ: No12 - LK 493, Khu LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: +84 986 189 109 (Mr. Vinh)

# KDF 16

## 热转印数码印花机

## MÁY IN CHUYỂN NHIỆT KỸ THUẬT SỐ



- 一体式铝板，进一步加大侧板厚度和底梁方管尺寸，有效提高设备整体强度及稳定性；  
Tấm nhôm liền khối, kích thước thành bên về kích thước ống đỡ đáy được gia cố, giúp tổng thể thiết bị được ổn định hơn và cứng cáp hơn
- 摆臂式张力辊，精密角位器+伺服控制电机，可以稳定控制张力辊在小角度摆动，确保走纸过程始终处于恒张力收放料。  
Con lăn căng giấy dạng tay đòn kết hợp bộ điều chỉnh góc chính xác cùng động cơ servo, duy trì ổn định góc điều chỉnh lực căng, đảm bảo quá trình thu nhả giấy được ổn định, căng đều.
- 超大型腔式吸风系统+三挡可调压力压轮，可适应不同重量张力，保证整个平台所有位置吸风均匀，有效消除拱纸褶皱现象  
Hệ thống hút chân không buồng lớn kết hợp bánh đè áp lực ba cấp, thích ứng với các mức căng và trọng lượng vật liệu khác nhau, tránh trường hợp lực hút không đồng đều trên toàn bề mặt, loại bỏ hiện tượng nhăn và co giấy
- 进口THK高静音双导轨、磁悬浮电机、磁栅系统；减少设备在高速运行中产生的抖动和振动，实现高速运行与稳定打印；  
Trang bị ray dẫn hướng kép THK nhập khẩu, độ ồn thấp, động cơ từ tính treo và hệ thống thước đo từ tính làm giảm rung lắc khi thiết bị chạy với tốc độ cao, đảm bảo thiết bị vận hành ổn định đồng thời in được chuẩn xác hơn.
- 多段式加热均匀烘干，兼具高效与节能  
Hệ thống sấy hiệu quả, làm khô đồng đều, đảm bảo tốc độ cao và tiết kiệm năng lượng
- 10L超大墨桶，使用自动供墨，长时间持续稳定供墨。墨滴均匀稳定，打印更精细。  
Bình mực lớn với dung tích 10L, kết hợp với hệ thống cấp mực tự động giúp cung cấp mực được ổn định trong thời gian dài; hạt mực được đồng đều và ổn định chất lượng in được sắc nét hơn.

## ■ KDF16 系列规格参数 - CÁC THÔNG SỐ CỦA KDF16

产品型号 Model sản phẩm		KDF16
喷头 Đầu in	类型 Mã đầu in	Epson i3200 A1 高精喷头 Epson i3200 A1 có độ phân giải cao
	数量 Số lượng	16H
	排列组合 Tổ hợp cấu hình	2*8
打印速度 Tốc độ in  根据面料与花型， 可选择不同方案 Phụ thuộc vào vật liệu và họa tiết, chọn các phương án phù hợp	四色方案 Phương án 4 màu	生产模式: 580m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 580m <sup>2</sup> /h  精度模式: 290m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 290m <sup>2</sup> /h
	八色方案 Phương án 8 màu	生产模式: 290m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 290m <sup>2</sup> /h  精度模式: 193m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 193m <sup>2</sup> /h
打印材料 Vật liệu	最大打印宽幅 Khô in tối đa	1900mm
	可用材料宽幅 Khô vật liệu sử dụng	1900mm
	材料介质 Chất liệu sử dụng	热转印纸、钛白纸、墙纸、薄膜 Giấy in chuyển nhiệt, giấy titan, giấy tường, màng film
	可用材料克重 Trọng lượng giấy	最低22-110g/m <sup>2</sup> Tối thiểu 22-110g/m <sup>2</sup>
	材料厚度 Độ dày vật liệu	2-50丝 2 - 50 silk
墨水系统 Hệ thống mực	墨水类型 Loại mực	热升华墨水、颜料 Mực in thăng hoa, mực in pigment
	墨水颜色 Màu mực	青C、品红M、黄Y、黑K、可选, LM、LC、LK、LLK Màu xanh C, màu đỏ M, màu vàng Y, màu đen K, có thể chọn LM, LC, LK, LLK
	墨水容积 Dung tích mực	10L连供墨桶 Bình cấp mực liên tục dung tích 10L
	供墨方式 Phương thức cấp mực	虹吸供墨 Cấp mực kiểu hút
软件系统 Hệ thống phần mềm	生产软件 Phần mềm sản xuất	可选自主开发软件YIPS, TexPrint, NeoStampa等 Tùy chọn phần mềm như YIPS, TexPrint, NeoStampa,...
	图象类型 Định dạng hình ảnh	文件格式TIFF/JPG/EPS/PDF, 色彩模式RGB/CMYK Hỗ trợ các định dạng: TIFF, JPG, EPS, PDF; Chế độ màu RCM, CMYK
功能配置 Chức năng	打印平台 Bàn in	加厚竖纹可调铝平台 Bề nhôm được gia cố, có thể điều chỉnh cao thấp
	磁悬浮传动系统 Hệ thống truyền động từ tính	进口THK高静音双导轨、磁悬浮电机、磁栅系统 Trang bị ray trượt THK đôi siêu êm, động cơ từ trường, hệ thống thước quan
	喷头保护系统 Hệ thống bảo vệ đầu in	三重保护系统 Hệ thống bảo vệ ba lớp
	清洗机构 Cơ cấu làm sạch	全自动清洗保湿一体组件 Hệ thống vệ sinh từ động tích hợp giữ ẩm đầu in
工作环境 Môi trường làm việc	加热系统 Hệ thống làm sạch	三段式红外热风烘干, 保证长效烘干 Hệ thống sấy ba cấp sử dụng hồng ngoại kết hợp gió nóng, đảm bảo khả năng sấy ổn định và hiệu quả lâu dài
	电源 nguồn điện	380VAC±5%, 三相五线/220VC, 50/60HZ 380VAC ±5%, ba pha 5 dây, 220VAC, 50/60HZ
	功率 Công suất	主机: 6KW, 烘干: 13KW Máy chính: 6KW, hệ thống sấy: 13KW
	平台支撑系统 Hệ thống nâng đỡ	塔式结构支持 Khung kết cấu dạng tháp tăng độ ổn định
尺寸重量 Size, trọng lượng, khối lượng	温湿度 Nhiệt độ - độ ẩm	环境室温: 推荐温度15-30°C, 环境湿度: 推荐50%-80% (无凝结) Điều kiện môi trường vận hành: Nhiệt độ 15-30°C, Độ ẩm: 50% - 80% (không ngưng đọng)
	尺寸 Size	机器尺寸: 3990*1212*1825 (长*宽*高mm) Kích thước máy: 3990*1212*1825 (DxRxC mm)
	重量 Trọng lượng	约1000KG Khoảng 1000kg

相关参数因技术升级可能会有调整变动, 如有更改, 恕不另行通知  
Các thông số liên quan có thể được điều chỉnh do nâng cấp kỹ thuật; nếu có thay đổi, xin không thông báo riêng



**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT & NGUYÊN LIỆU IN ẤN KODOFO**

Địa chỉ: No12 - LK 493, Khu LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: +84 986 189 109 (Mr. Vinh)



# KDF 24

## 热转印数码印花机

## MÁY IN CHUYÊN NHIỆT KỸ THUẬT SỐ



### ■ 高精度图像输出 Hình ảnh xuất ra độ chính xác cao

2400×1200 dpi, 确保转印图案边缘锐利无毛边 工业级压电喷头, 精准控制墨滴大小 (3.5pl-7pl)

Độ phân giải 2400 x 1200 dpi đảm bảo đường viền in sắc nét, không lem mực. Đầu in Piezo điện công nghiệp với khả năng điều khiển chính xác kích thước giọt mực (3.5pl - 7pl).

### ■ 全场景适配性 Ứng dụng đa dạng

突破传统直喷对纤维材质的限制, 满足运动服、时装、家纺、旗帜、箱包等领域的复杂需求

Bỏ qua hạn chế của phương pháp in trực tiếp trên sợi dệt truyền thống. Phù hợp với các ngành như: thời trang thể thao, gia đình, bao bì, túi xách, hoặc nhu cầu in ấn phức tạp

### ■ 高效生产输出 Năng suất vận hành cao

工业级机型打印速度, 支持连续卷材打印+自动收纸系统 内置红外烘干模块, 墨水即打即干, 快速批量生产

Tốc độ in cấp công nghiệp, hỗ trợ in liên tục với hệ thống thu giấy tự động. Tích hợp Module sấy hồng ngoại, mực khô ngay sau khi in, đáp ứng sản xuất hàng loạt

### ■ 智能化操作 Vận hành thông minh

智能控制系统, 自动优化打印参数, 实时故障预警/云端维护; 自动化工作流程, 从设计到输出无缝衔接

hệ thống điều khiển thông minh, tự động tối ưu thông số in, cảnh báo lỗi theo thời gian thực và hỗ trợ bảo trì từ xa. Tự động hóa quy trình vận hành, kết nối liền mạch từ thiết kế đến xuất thành phẩm, nâng cao hiệu suất tổng thể.

## ■ KDF24 系列规格参数

产品型号 Model sản phẩm		KDF24
喷头 Đầu in	类型 Mã đầu in	Epson i3200 A1 高精喷头 Epson i3200 A1 có độ phân giải cao
	数量 Số lượng	24H
	排列组合 Tổ hợp cấu hình	3*8
打印速度 Tốc độ in  根据面料与花型， 可选择不同方案 Phụ thuộc vào vật liệu và họa tiết, chọn các phương án phù hợp	四色方案 Phương án 4 màu	生产模式：900m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 900m <sup>2</sup> /h
		精度模式：450m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 450m <sup>2</sup> /h
	八色方案 Phương án 8 màu	生产模式：450m <sup>2</sup> /h Chế độ sản xuất: 450m <sup>2</sup> /h
		精度模式：300m <sup>2</sup> /h Chế độ chính xác: 300m <sup>2</sup> /h
打印材料 Vật liệu	最大打印宽幅 Khô in tối đa	1900mm
	可用材料宽幅 Khô vật liệu sử dụng	2050mm
	材料介质 Chất liệu sử dụng	热转印纸、钛白纸、墙纸、薄膜 Giấy in chuyển nhiệt, giấy titan, giấy tường, màng film
	可用材料克重 Trọng lượng giấy	最低 22-110g/m <sup>2</sup> Tối thiểu 22-110g/m <sup>2</sup>
	材料厚度 Độ dày vật liệu	2-50丝 2 - 50 silk
墨水系统 Hệ thống mực	墨水类型 Loại mực	热升华墨水、颜料 Mực in thăng hoa, mực pigment
	墨水颜色 Màu mực	青C、品红M、黄Y、黑K、可选, LM、LC、LK、LLK Màu xanh C, màu đỏ M, màu vàng Y, màu đen K, có thể chọn LM, LC, LK, LLK
	墨水容积 Dung tích mực	15L 15L
	供墨方式 Phương thức cấp mực	负压供墨 Cấp mực bằng áp suất
软件系统 Hệ thống phần mềm	生产软件 Phần mềm sản xuất	可选自主开发软件YIPS, TexPrint, NeoStampa等 Tùy chọn phần mềm như YIPS, TexPrint, NeoStampa,...
	图象类型 Định dạng hình ảnh	文件格式TIFF/JPG/EPS/PDF, 色彩模式RGB/CMYK Hỗ trợ các định dạng: TIFF, JPG, EPS, PDF; Chế độ màu RGM, CMYK
功能配置 Chức năng	打印平台 Bàn in	加厚竖纹可调铝平台 Bàn nhôm được gia cố, có thể điều chỉnh độ cao phù hợp
	磁悬浮传动系统 Hệ thống truyền động từ tính	进口THK高静音双导轨、磁悬浮电机、光栅系统 Ray dẫn hướng đôi THK cao cấp, động cơ levitation từ tính kết hợp hệ thống căn chỉnh tuyến tính ảnh sáng
	喷头保护系统 Hệ thống bảo vệ đầu in	三重保护系统 Hệ thống bảo vệ ba lớp
	清洗机构 Cơ cấu làm sạch	全自动清洗保湿一体组件 Module tích hợp tự động vệ sinh và giữ độ ẩm phù hợp cho đầu in
工作环境 Môi trường làm việc	加热系统 Hệ thống làm sạch	三段式红外热风烘干, 保证长效烘干 Ba lớp nhiệt độc lập trước và sau, đảm bảo sấy khô đều ổn định
	电源 nguồn điện	380VAC±5%, 三相五线/220VC, 50/60HZ 380VAC±5%, ba pha 5 dây, 220VC, 50/60HZ
	功率 Công suất	主机：6KW, 烘干：13KW Động cơ chính: 6KW, hệ thống sấy 13KW
	平台支撑系统 hệ thống nâng	塔式结构支持 Kết cấu được thiết kế dạng tháp
尺寸重量 Size, trọng lượng, khối lượng	温湿度 Nhiệt độ - độ ẩm	环境室温：推荐温度15-30°C, 环境湿度：推荐50%-80% (无凝结) Điều kiện môi trường vận hành: Nhiệt độ 15-30°C, Độ ẩm: 50% - 80% (không ngưng đọng)
	尺寸 Size	机器尺寸：4150*2580*2100 (长*宽*高mm) Kích thước máy: 4150*2580*2100 (DxRxX mm)
	重量 Trọng lượng	约1500KG Khoảng 1500KG

相关参数因技术升级可能会有调整变动, 如有更改, 恕不另行通知  
Các thông số liên quan có thể được điều chỉnh do nâng cấp kỹ thuật; nếu có thay đổi, xin không thông báo riêng



**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT & NGUYÊN LIỆU IN ẤN KODOFO**

Địa chỉ: No12 - LK 493, Khu LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: +84 986 189 109 (Mr. Vinh)



**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT & NGUYÊN LIỆU IN ẤN KODOFO**

Địa chỉ: No12 - LK 493, Khu LK27, C13a, C13b, LK28, HT10, TTCN, Phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Hotline: +84 986 189 109 (Mr. Vinh)